TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 17/7/2024
V/v: " Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Q
2. Ông Nguyễn Tấn R.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu U – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B *tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Trường S – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Bà *Hồ Thị Huy P*; Sinh năm: 1979 *(có mặt)*

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Anh *Nguyễn Trung T,* SN: 1998 *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu E, thị trấn F, huyện A, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà *Trần Thị L,* SN: 1933 (Có mặt)

+ Chị *Nguyễn Vi T1*, SN: 2003 (Vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Trung T2, sinh ngày: 23/01/2008 có anh là Nguyễn Trung T, sinh năm: 1998 và mẹ là Hồ Thị L2, sinh năm: 1978 – Là đại diện theo pháp luật của cháu X. (Có mặt)

Đồng Địa chỉ: Khu E, thị trấn F, huyện A, tỉnh B.

+ Anh *Hồ Quý L1*, SN: 1982 (Có mặt)

+ Chị *Nguyễn Thị Thanh H,* SN: 1991

Đồng địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của chị Hiếu là: Anh *Hồ Quý L1*, SN: 1982; Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B – Theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2024. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/02/2023 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hồ Thị Huy P trình bày:*

Vào ngày 10/6/2013 chị và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn F, huyện A, tỉnh B; đến ngày 28/01/2020 anh G chết và không để lại di chúc. Nay chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh G; đồng thời chia di sản thừa kế của anh G.

Về tài sản chung giữa chị và anh G: 01 thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 04, diện tích 132m^2, địa chỉ: Lô A13, khu dân cư H, phường I, thị xã K, tỉnh B có giá trị 1,600,000,000đ; 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu KIA, biển số 77A-960.50 có giá trị 220,000,000đ; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SH, biển số 77E1-478.56 có giá trị 40,000,000đ (toàn bộ các tài sản trên đứng tên chị Hồ Thị Huy P) (riêng giấy chứng nhận đăng ký ô tô anh T đang quản lý) và 01 ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B giá trị diện tích đất là 1,407,900,000đ, phần diện tích xây dựng và vật dụng trong nhà như máy lạnh, cửa kính có giá 162,232,000đ, thửa đất này có cùng sử dụng với em chị là Hồ Quý L1, sau khi anh G chết Nguyễn Trung T là con anh G sửa sang thêm (trần nhựa năm 2023 có giá 4,399,000đ, trần gỗ năm 2022 có giá 6,782,000đ, phần nền gỗ năm 2022 có giá 5,549,000đ, cổng sắt năm 2023 có giá 8,640,000đ, lưới B40 năm 2023 có giá 1,803,000đ, cửa chính, cửa nhôm kính (hai lớp) năm 2023 có giá 36,432,000đ, tổng là 63,605,000đ (phần chung của chị và anh G 162,232,000đ - 63,605,000đ = 98,627,000đ), nhà là tài sản chung của chị và anh G còn đất là của anh G, giá trị các tài sản trên chị thống nhất như Hội đồng định giá tài sản huyện A đã định giá; (hiện nay anh T đang quản lý nhà và chiếc xe ô tô, chiếc xe máy SH chị P quản lý) (hiện nay chị P đang quản lý 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận đăng lý xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô anh T đang quản lý).

Nay chị P yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết chia tài sản chung của chị và anh G mỗi người ½ số tài sản chung, tổng tài sản chung của chị P và anh G là 98,627,000đ + 1,600,000,000đ + 220,000,000đ + 40,000,000đ = 1,958,627,000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng) : 2 = 979,313,500đ (Chín trăm bảy mươi chín triệu ba trăm mười ba ngàn năm trăm đồng); đối với ½ tài sản chung phần của anh G thì được chia thành 06 phần gồm: bà Trần Thị L (mẹ ruột của anh G) và các con của anh G là Nguyễn Trung T, Nguyễn Vi T1, Nguyễn Trung T2 (Sinh năm: 2008), Nguyễn Hồ Diệu M (Sinh năm: 2014) và chị là vợ anh G; tổng tài sản của anh G là 979,313,500đ + 1,407,900,000đ = 2,387,213,5000 : 6 = 397,868,916đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu

tám trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm mười sáu đồng). Vì hiện nay chị P chưa có chỗ ở, thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B cùng chung sử dụng với Hồ Quý L1 là em ruột chị, hơn nữa thửa đất trên với thửa đất của Hồ Quý L1 cùng chung sử dụng đất nên chị xin nhận nhà và đất trên, phần chị được nhận nhiều hơn thì chị thối lại giá trị cho hàng thừa kế khác của anh G và ít hơn hàng thừa kế của anh G thối lại chị theo quy định pháp luật và hiện nay con chị và anh G là cháu Nguyễn Hồ Diệu M, sinh ngày 08/11/2014 còn nhỏ nên phần của cháu M chị tạm quản lý đến khi cháu M trưởng thành (tròn 18 tuổi) chị giao lại cho cháu M quyết định.

** Tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2024 (BL: 83, 84) và tại phiên tòa hôm nay - Bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày:*

Anh thống nhất với phần trình bày của bà Hồ Thị Huy P về thời gian kết hôn giữa bà P và ông G – cha anh, ngày tháng năm chết của cha anh, phần tài sản chung giữa bà P và ông G, đồng thời hàng thừa kế tài sản của cha anh là đúng; anh thống nhất với giá trị tài sản mà Hội đồng định giá tài sản như chị Hồ Thị Huy P trình bày và anh thống nhất giá trị phần anh xây dựng trên thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B với số tiền 63,605,000đ và anh xin nhận nhà và thửa đất trên; theo anh thửa đất trên có giá trị 1,407,900,000đ là cao và anh T thống nhất giá trị thửa đất trên là 1,200,000,000đ. Riêng phần em anh là Nguyễn Trung T2 - sinh ngày 23/02/2008 từ khi cha anh Nguyễn Văn G chết anh đã nuôi X nên anh xin tạm quản lý tài sản của Nguyễn Trung T2 được thừa kế của cha anh Là Nguyễn Văn G đến khi X trưởng thành (tròn 18 tuổi) anh sẽ giao lại cho X quyết định.

Từ năm 2016 đến năm 2020, anh đã làm cùng với ông G – cha anh; Do vậy, trong phần tài sản của ông G có một phần công sức của anh nên anh yêu cầu phải giao cho anh số tiền 648.000.000 (Sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

** Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay - bà Trần Thị L trình bày:*

Bà là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn G. Bà thống nhất toàn bộ nội dung lời trình bày của bà Hồ Thị Huy P và anh Nguyễn Trung T nên bà không bổ sung gì thêm. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2023 - chị Nguyễn Vi T1 trình bày:*

Chị là con ruột của ông Nguyễn Văn G, thống nhất toàn bộ nội dung lời trình bày của bà Hồ Thị Huy P và anh Nguyễn Trung T nên chị không bổ sung gì thêm. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần tài sản mà chị được nhận theo hàng thừa kế thứ nhất của ông G thì chị nhận bằng hiện vật hoặc quy đổi ra tiền.

** Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay - ông Hồ Quý L1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B hiện nay bà P (chị ruột của ông) đang tranh chấp với

anh T là cùng chung sở hữu với vợ chồng ông. Ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giao nhà và đất trên cho bà P, vì nếu giao cho người ngoài rất khó xử lý phần sở hữu chung này nên ông không đồng ý giao cho người khác.

Tại phiên toà hôm nay cháu Nguyễn Trung T2, anh Nguyễn Trung T và chị Hồ Thị L2 trình bày: Vào ngày 14/9/2012 chị Hồ Thị L2 và anh Nguyễn Văn G ly hôn, con Nguyễn Trung T2 giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng và từ ngày anh Nguyễn Văn G chết Nguyễn Trung T2 được Nguyễn Trung T nuôi dưỡng nên phần tài sản của Nguyễn Trung T2 được nhận tạm giao cho anh Nguyễn Trung T tạm quản lý đến khi Nguyễn Trung T2 trưởng thành (tròn 18 tuổi) thì anh T giao lại cho Nguyễn Trung T2 quyết định.

Chị Hồ Thị Huy P trình bày không đồng ý với yêu cầu của anh Nguyễn Trung T về số tiền anh T yêu cầu tính công sức từ năm 2016 đến năm 2020, vì tại thời điểm đó T ở chung với anh G và chị đã mua cho Nguyễn Trung T một thửa đất có số thửa 658, tờ bản đồ số 15, diện tích 100m^2, toạ lạc tại thôn D, xã C, huyện A đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Nguyễn Trung T.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Huy P.

- Giao cho chị Hồ Thị Huy P nhà và đất ở thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B và chiếc xe mô tô; giao phần được nhận của cháu Nguyễn Hồ Diễm M cho chị Hồ Thị Huy P tạm quản lý đến khi cháu M trưởng thành (tròn 18 tuổi) chị P giao lại cho cháu M.

- Giao thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 04, toạ lạc tại khu dân cư H, phường I và chiếc xe ô tô cho anh Nguyễn Trung T và buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại giá trị bằng tiền cho hàng thừa kế thứ nhất.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trung T về số tiền công sức anh T làm cho Nguyễn Văn G vì khi còn sống anh G đã mua cho Nguyễn Trung T một thửa đất ở D, C. Và không chấp nhận yêu cầu nhận thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại thôn D, xã C vì thửa đất này cùng chung sử dụng với Hồ Quý L1 hơn nữa thửa đất trên phần lớn nằm trong hành lang đường bộ nên không tách thửa được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như chị Nguyễn Vi T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Tường vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm theo thủ tục vắng mặt chị Tường. Nên đương sự phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Hồ Thị Huy P yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh Nguyễn Văn G, căn cứ vào Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Hồ Thị Huy P.

[2.2]. Xét về yêu cầu chia di sản thừa kế của chị Hồ Thị Huy P: Anh Nguyễn Văn G chết ngày 28 tháng 01 năm 2020 chị Hồ Thị Huy P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của anh G, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì còn thời hiệu chia thừa kế.

[2.3]. Chị Hồ Thị Huy P yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn G cho hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Văn G, yêu cầu này của chị Hồ Thị Huy P phù hợp với quy định pháp luật vì anh G chết không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Xét về yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trung T: Ngày 17 tháng 10 năm 2023 anh Nguyễn Trung T yêu cầu tính công sức anh bỏ ra làm cho cha anh là Nguyễn Văn G là 41 tháng là 410,000,000đ; Sau khi Toà án đưa vụ án ra xét xử ngày 15 tháng 6 năm 2024 và tại phiên toà hôm nay anh yêu cầu tính công sức anh bỏ ra làm cho cha anh là Nguyễn Văn G với số tiền là 648,000,000đ (Sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng), chị Hồ Thị Huy P cho rằng trong thời gian Nguyễn Trung T làm từ 2016 đến năm 2020 chị và anh G đã mua cho Nguyễn Trung T một lô đất nên chị không chấp nhận yêu cầu này của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Trung T từ khi nghỉ học đi làm với cha anh là Nguyễn Văn G từ năm 2016 cho đến khi anh G chết ngày 28 tháng 01 năm 2020, anh G và chị P đã mua cho Nguyễn Trung T thửa đất số 658, tờ bản đồ số 15, diện tích 100m^2, toạ lạc tại thôn D, xã C, huyện A đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Nguyễn Trung T và anh T cũng thừa nhận thửa đất trên do cha anh Nguyễn Văn G mua cho nên yêu cầu tính công sức của anh T là 648,000,000đ (Sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng) Hội đồng xét xử không thoả mãn yêu cầu của anh T.

[2.5]. Tài sản chung của chị Hồ Thị Huy P và anh Nguyễn Văn G là: 01 thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 04, diện tích 132m^2, địa chỉ: Lô A13, khu dân cư H, phường I, thị xã K, tỉnh B có giá trị 1,600,000,000đ; 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu KIA, biển số 77A-960.50 có giá trị 220,000,000đ; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SH, biển số 77E1-478.56 có giá trị 40,000,000đ và 01 ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A có gía 98,627,000đ; Tổng tài sản chung của chị Hồ Thị Huy P và anh

Nguyễn Văn G là 1,958,627,000đ (một tỷ chín trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng) : 2 = 979,313,500đ (chín trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm mười ba ngàn, năm trăm đồng).

[2.6]. Di sản của anh Nguyễn Văn G để lại: 979,313,500đ + (thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B giá trị diện tích đất) 1,407,900,000đ = 2,387,213,500đ, khi anh Nguyễn Văn G chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của anh G gồm: Cha, mẹ, vợ, con; cha anh G tên Nguyễn Tử L2 chết năm 2010 (chết trước anh Nguyễn Văn G) nên phần di sản của anh Nguyễn Văn G gồm mẹ anh G là bà Trần Thị L, vợ anh G là chị Hồ Thị Huy P và các con của anh G gồm Nguyễn Trung T, Nguyễn Vi T1, Nguyễn Trung T2 và Nguyễn Hồ Diễm M; Tổng di sản anh Nguyễn Văn G để lại tính bằng giá trị và chia điều cho 06(sáu) người là 2,387,213,500đ : 6 = 397,868,000đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng)(lấy tròn số).

[2.7]. Xét yêu cầu nhận nhà và đất của chị Hồ Thị Huy P và anh Nguyễn Trung T ở thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 90,2m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Nguyễn Văn G ở thửa đất trên có ghi *"Cùng sử dụng đất với người khác"* và tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Hồ Quý L1, ở thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 tọa lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B cũng ghi *"Cùng sử dụng đất với người khác"* nên thửa đất trên có giới hạn một phần sử dụng, ông Hồ Quý L1 cũng yêu cầu Toà án giao thửa đất trên cho chị ông là chị Hồ Thị Huy P, từ khi chị P và anh G lấy nhau ở tại ngôi nhà và đất trên, hiện nay chị Hồ Thị Huy P không có chỗ ở nào khác, *hơn nữa thửa đất trên với thửa đất của ông Hồ Quý L1 có 212m^2 thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường 3 tháng 2 nên không thể tách thửa được*, anh Nguyễn Trung T đã có thửa đất số 658, tờ bản đồ số 15, diện tích 100m^2, toạ lạc tại thôn D, xã C, huyện A, đồng thời tại phiên toà hôm nay anh T chỉ thống nhất giá trị thửa đất trên 1,200,000,000đ, không đồng ý giá 1,407,900,000đ như yêu cầu của chị P và đúng với giá như Hội đồng định giá đã định nên yêu cầu nhận nhà và đất trên của chị Hồ Thị Huy P là chính đáng, đúng với quy định pháp luật nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận và không thoả mãn yêu cầu của anh T; đối với các tài sản khác như chiếc xe mô tô biên số 77E1-478.56 có giá 40,000,000đ đứng tên chị Hồ Thị Huy P và hiện nay chị P đang quản lý nên giao chiếc xe trên cho chị P là phù hợp, chiếc xe ô tô biển số 77A-960.50 giấy chứng nhận đăng ký đứng tên Hồ Thị Huy P nhưng hiện nay xe và giấy chứng nhận đăng ký anh T đang quản lý nên giao cho anh T là phù hợp, theo quy định của pháp luật tài sản nào tách được nhưng phải đảm bảo quyền sử dụng và quyền sở hữu thì tách còn tài sản nào khi tách không đảm bảo quyền sử dụng và quyền sở hữu thì không tách được thì giao từng người nhưng vẫn đảm bảo gía trị của từng tài sản và giá trị của các đương sự được nhận, người nào nhận có giá trị nhiều hơn sẽ thối lại cho người nhận có gía trị ít hơn.

[3.8]. Phân chia tài sản chung của chị Hồ Thị Huy P và anh Nguyễn Văn G mỗi người được 979,313,000đ (Chín trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm mươi ba

ngàn đồng)(lấy tròn số).

[3.9]. Phân chia di sản của anh Nguyễn Văn G cho hàng thừa kế thứ nhất bằng giá trị mỗi người được hưởng 397,868,000đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

[3.9.1]. Bà Trần Thị L, chị Hồ Thị Huy P, anh Nguyễn Trung T, chị Nguyễn Vi T1, Nguyễn Trung T2 - sinh ngày 23 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Hồ Diệu M - sinh ngày 08 tháng 11 năm 2014, mỗi người được hưởng 397,868,000đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng); riêng Nguyễn Trung T2 còn nhỏ và tại phiên toà hôm nay mẹ của anh Nguyễn Trung T2 là bà Hồ Thị L2, anh của anh Nguyễn Trung T2 là anh Nguyễn Trung T và Nguyễn Trung T2 thống nhất tạm giao phần của Nguyễn Trung T2 cho anh Nguyễn Trung T quản lý đến khi Nguyễn Trung T2 trưởng thành (tròn 18 tuổi) Nguyễn Trung T2 quyết định nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này và Nguyễn Hồ Diễm M còn nhỏ nên phần của M tạm giao cho chị Hồ Thị Huy P (mẹ) quản lý đến khi Nguyễn Hồ Diễm M trưởng thành (tròn 18 tuổi) Nguyễn Hồ Diễm M quyết định.

[3.9.2]. Giao cho chị Hồ Thị Huy P một ngôi nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 toạ lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B trọn quyền sở hữu và sử dụng theo quy định pháp luật (cùng sử dụng đất với Hồ Quý L1) có giá trị đất 1,407,900,000đ (phần diện tích xây dựng có giá) 162,232,000đ + 40,000,000đ (chiếc xe mô tô biển số 77 E1-658.47) = 1,610,132,000đ (trong đó có phần riêng của anh Nguyễn Trung T 63,605,000đ) và chiếc xe mô tô biển số 77E1-478.56 có giá 40,000,000đ, phần chị Hồ Thị Huy P được nhận 979,313,000đ + (397,868,000đ x 2 phần của Nguyễn Hồ Diễm M) = 1,775,049,000đ (1,775,049,000đ – 1,610,232,000đ =164,817,000đ (Một trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy ngàn đồng) nhận lại của người khác); (phần chị P được nhận 979,313,000đ+397,868,000đ = 1,377,181,000đ).

[3.9.3]. Giao cho anh Nguyễn Trung T 01 thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 04, diện tích 132m^2, địa chỉ: Lô A13, khu dân cư H, phường I, thị xã K, tỉnh B có giá trị 1,600,000,000đ; 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu KIA, biển số 77A-960.50 có giá trị 220,000,000đ, tổng giá trị anh T nhận 1,600,000,000đ + 220,000,000đ = 1,820,000,000đ [phần anh T được nhận 397,868,000đ x 2 (phần của Nguyễn Trung T2) + (phần nhà anh T làm thêm) 63,605,000đ = 859,341,000đ (1,820,000,000đ - 859,341,000đ = 960,659,000đ có nghĩa vụ thối lại người khác)]; (phần anh T được nhận 397,868,000đ + 63,605,000đ = 461,473,000đ).

[3.9.4]. Buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại cho bà Trần Thị L số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

[3.9.5]. Buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Vi T1 số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

[3.9.6]. Tạm giao phần Nguyễn Trung T2 số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín

mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) cho anh Nguyễn Trung T quản lý đến khi cháu X trưởng thành (tròn 18 tuổi) cháu X quyết định.

[3.9.7]. Buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại cho chị Hồ Thị Huy P số tiền 164,817,000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy ngàn đồng).

[3.9.8]. Tạm giao phần Nguyễn Hồ Diễm M số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) cho chị Hồ Thị Huy P quản lý đến khi cháu M trưởng thành (tròn 18 tuổi) cháu M quyết định.

[3] Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác:

[3.1] Án phí DSST: Chị Hồ Thị Huy P, anh Nguyễn Trung T, chị Nguyễn Vi T1 và Nguyễn Trung T2 phải chịu theo quy định pháp luật, bà Trần Thị L - sinh năm 1933 là người già và Nguyễn Hồ Diễm M - sinh năm 2014 là trẻ em nên được miễn phần án phí.

[3.2] Các chi phí tố tụng khác: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản hết 10,000,000đ, chị Hồ Thị Huy P, anh Nguyễn Trung T, chị Nguyễn Vi T1, bà Trần Thị L và Nguyễn Trung T2 mỗi người phải chịu 2,000,000đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 688, 623, 649, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Huy P.

1. 1. Giao cho chị Hồ Thị Huy P một ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 14, diện tích 169,3m^2 toạ lạc tại thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B trọn quyền sở hữu và sử dụng theo quy định pháp luật (cùng sử dụng đất với ông Hồ Quý L1) và chiếc xe mô tô biển số 77E1-478.56 (xe và giấy đăng ký xe chị P đang quản lý) trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật.

1.2. Giao cho anh Nguyễn Trung T 01 thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 04, diện tích 132m^2, địa chỉ: Lô A13, khu dân cư H, phường I, thị xã K, tỉnh B; 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ hiệu KIA, biển số 77A-960.50 trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định pháp luật (xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô anh T đang quản lý).

1.3. Buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại cho bà Trần Thị L số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

1.4. Buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Vi T1 số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

1.5. Tạm giao phần Nguyễn Trung T2 số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) cho anh Nguyễn Trung T quản lý đến khi cháu X trưởng thành (tròn 18 tuổi) anh T giao cho cháu X quyết định.

1.6. Buộc anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ thối lại cho chị Hồ Thị Huy P số tiền 164,817,000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy ngàn đồng).

1.7. Tạm giao phần Nguyễn Hồ Diễm M số tiền 397,868,000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) cho chị Hồ Thị Huy P quản lý đến khi cháu M trưởng thành (tròn 18 tuổi) chị P giao lại cho cháu M quyết định.

1.8. Buộc chị Hồ Thị Huy P giao cho anh Nguyễn Trung T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại Lô A13, khu dân cư H, phường I, thị xã K, tỉnh B (bản chính) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí DSST: Buộc chị Hồ Thị Huy P phải chịu 53,315,000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị P đã nộp tạm ứng án phí 600,000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng số 0011882 ngày 22/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và chị P còn phải nộp 52,715,000đ.

2.2. Án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Trung T phải chịu 22,458,000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh T đã nộp tạm ứng án phí 10,200,000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng số 0012062 ngày 17/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và anh T còn phải nộp 12,258,000đ.

2.3. Án phí DSST: Buộc chị Nguyễn Vi T1 phải chịu 19,893,000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Án phí DSST: Buộc Nguyễn Trung T2 phải chịu 19,893,000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.5. Các chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 10,000,000đ, chị Hồ Thị Huy P, anh Nguyễn Trung T, chị Nguyễn Vi T1, bà Trần Thị L và Nguyễn Trung T2 mỗi người phải chịu 2,000,000đ, chị P đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, định giá 10,000,000đ, anh T, chị T1, bà L, Nguyễn Trung T2 mỗi người phải hoàn trả lại cho chị P 2,000,000đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

3.1. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền nêu trên thì người

phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (10%/năm) tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Đ